

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2022

V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn N Châu

2. Bà Vũ Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1992 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Tấn T, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 7, khu phố Phú Thuận, phường P T, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim N trình bày:

Chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Tấn T chung sống từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Phạm Tấn T nhiều lần ghen tuông về nhà đánh đập chị N nên chị N về nhà mẹ ruột sinh sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Tấn T.

Quá trình sống chung chị N và anh T có 02 con chung tên Phạm Yến N, sinh ngày 02/5/2014 và Phạm Tấn L, sinh ngày 06/8/2018. Khi ly hôn, chị N xin được quyền nuôi 02 cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ/01cháu/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), 3.000.000đ/02cháu/01 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Kim N tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Phạm Tấn T trình bày:

Anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Kim N chung sống từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Nguyên nhân ly hôn là do chị Trần Thị Kim N đi làm công nhân tại Công ty ở Minh Hưng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, nhiều lần kiểm tra tin nhắn điện thoại và có ghen tuông, khi hỏi chị N về mối quan hệ với người đàn ông này thì chị N không thừa nhận nên anh T có đánh chị N.

Nay Trần Thị Kim N yêu cầu được ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị N và muốn vợ chồng có cơ hội hàn gắn.

Quá trình sống chung anh T và chị N có 02 con chung tên Phạm Yến N, sinh ngày 02/5/2014 và Phạm Tấn L, sinh ngày 06/8/2018. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T đồng ý để cho chị N nuôi 02 con chung và anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ/01 cháu/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Tấn T. Anh Phạm Tấn T có đăng ký cư trú tại: Tổ 7, khu phố P T, phường P T, thị xã B L, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Kim N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do chị Trần Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Tấn T.

- Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu và chứng cứ của đương sự cung cấp, không thu thập chứng cứ gì thêm nên xét xử không có Viện kiểm sát tham gia theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai đối với anh T nhưng anh T vắng mặt không lý do, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Tấn T chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T, thị xã B L, tỉnh Bình Phước. Chị N và anh T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không tin tưởng chị N, anh T nghĩ chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường cãi nhau, chị N bỏ về nhà mẹ ruột để sống từ tháng 5/2022 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T cho rằng vợ đi làm công nhân có quan hệ tình cảm với người khác, khi hỏi chị N không thừa nhận thì anh T có đánh chị N.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Tấn T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Chị N và anh T có 02 con chung tên Phạm Yến Nhi, sinh ngày 02/5/2014 và Phạm Tấn Long, sinh ngày 06/8/2018. Chị N và anh T thỏa thuận, sau khi ly hôn chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu. Anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ/01cháu/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), 3.000.000đ/02cháu/01 tháng. Cháu Phạm Yến Nhi có nguyện vọng sống với chị N. Xét thấy sự thỏa thuận trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Kim N tự nguyện nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Phạm Tấn T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Chị N và anh T thỏa thuận, chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Yến N, sinh ngày 02/5/2014 và Phạm Tấn L, sinh ngày 06/8/2018. Anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ/01cháu/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), 3.000.000đ/02cháu/01 tháng (ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật

Nghiêm cấm hành vi cản trở việc thăm nom con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Kim N tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002688 ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, chị Trần Thị Kim N phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND phường Phú Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn T Đức

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn N Châu

Vũ Thị Dung

Nguyễn T Đức

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Giới

Điều Hải

Nguyễn T Đức